

Số: 33b /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 10 tháng 1 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thành lập Câu lạc bộ Tiếng Anh HUMG

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Luật giáo dục Đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi bổ sung, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Nội vụ và Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐT ngày 19/01/2021 của Chủ tịch Hội đồng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ Quyết định số 624/QĐ-MĐC ngày 18/5/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy định về quản lý việc thành lập và hoạt động các Câu lạc bộ sinh viên Trường;

Căn cứ Quyết định số 303/QĐ-MĐC ngày 04/4/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong Trường;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác Chính trị - Sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Câu lạc bộ Tiếng Anh HUMG gồm các thành viên có tên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Câu lạc bộ Tiếng Anh HUMG có nhiệm vụ xây dựng nội quy, kế hoạch hoạt động theo Quy định về tổ chức và hoạt động các Câu lạc bộ sinh viên Trường. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Công tác Chính trị - Sinh viên, Trưởng các đơn vị có liên quan và các thành viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để t/hiện);
- Hiệu trưởng (để b/cáo);
- Lưu: HCTH, CTSV.



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS Triệu Hùng Trường

DANH SÁCH THÀNH VIÊN CÂU LẠC BỘ TIẾNG ANH HUNG

(Kèm theo Quyết định số **33b** /QĐ-MĐC ngày **10** tháng **1** năm 2023)

STT	MSSV	Họ tên	Khoa
1	2121060550	Dương Thị Quyên	Cơ - Điện
2	2121060025	Nguyễn Ngọc Hoàn	Cơ - Điện
3	2021060524	Nguyễn Quyết Chiến	Cơ - Điện
4	2121060560	Trần Hoàng Phúc	Cơ - Điện
5	2121051019	Hoàng Trung Hiếu	Công nghệ thông tin
6	1921050390	Lê Thị Minh	Công nghệ thông tin
7	2121050511	Nguyễn Thị Ngọc Mai	Công nghệ thông tin
8	2121050872	Nguyễn Trọng Dũng	Công nghệ thông tin
9	2121051107	Phạm Hồng Hiệp	Công nghệ thông tin
10	2121051150	Trần Đăng Thành	Công nghệ thông tin
11	2121051512	Võ Nữ Mai Ngọc	Công nghệ thông tin
12	2121050575	Vũ Gia Vương	Công nghệ thông tin
13	2121020091	Hoàng Thị Hằng	KH & KT Địa chất
14	2121020079	Lâm Đại Nam	KH & KT Địa chất
15	2121020025	Lê Bảo Nguyên	KH & KT Địa chất
16	2121020049	Mai Khánh Linh	KH & KT Địa chất
17	2021020169	Nguyễn Thị Hồng Phụng	KH & KT Địa chất
18	2121020056	Nguyễn Thị Minh Thư	KH & KT Địa chất
19	2021020109	Nguyễn Trung Đại	KH & KT Địa chất
20	2021020150	Trần Thị Vân	KH & KT Địa chất
21	2024011542	Bùi Đức Minh	Kinh tế và QTKD
22	2124010786	Cao Thùy Linh	Kinh tế và QTKD
23	2124011069	Đỗ Thị Ngọc Châm	Kinh tế và QTKD
24	2024011681	Đường Thị Phương Nhung	Kinh tế và QTKD
25	2124011208	Lê Thị Thanh Thư	Kinh tế và QTKD
26	2124011192	Nguyễn Đình Hiệp	Kinh tế và QTKD
27	2124011321	Nguyễn Hải Yến	Kinh tế và QTKD
28	2124011916	Nguyễn Kiều Linh	Kinh tế và QTKD
29	2124011295	Nguyễn Mai Hân	Kinh tế và QTKD
30	2124011344	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Kinh tế và QTKD
31	2124011871	Nguyễn Thị Thoa	Kinh tế và QTKD
32	2124010923	Nguyễn Thị Thom	Kinh tế và QTKD
33	2124011444	Nguyễn Thu Trang	Kinh tế và QTKD
34	2124010541	Trần Thị Bích Ngọc	Kinh tế và QTKD

35	2024011978	Vũ Linh Chi	Kinh tế và QTKD
36	2021040047	Ngô Văn Định	Mỏ
37	1921040069	Nguyễn Công Tuyền	Mỏ
38	1921040051	Trần Văn Long	Mỏ
39	2124010371	Nguyễn Tổng Tuấn Duy	Môi trường
40	2121030006	Bùi Anh Hùng	Trắc địa Bản đồ và QLDD
41	2121030217	Hoàng Mạnh Khải	Trắc địa Bản đồ và QLDD
42	2021030321	Nguyễn Đình Thắng	Trắc địa Bản đồ và QLDD
43	2021030002	Nguyễn Xuân Tú	Trắc địa Bản đồ và QLDD
44	2021030257	Phạm Công An	Trắc địa Bản đồ và QLDD
45	2121030091	Phạm Thái Thiện	Trắc địa Bản đồ và QLDD
46	1921070013	Nguyễn Xuân Công	Xây dựng

